

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 5 - 2023.
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Lắm.

Bà Lê Thị Hồng Nhan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1977 (xin vắng mặt).

Địa chỉ nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Võ Văn N, sinh năm 1975 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn đề ngày 08 tháng 7 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày: Chị và anh Võ Văn N kết hôn do quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 22 tháng 5 năm 2001. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh N. Con chung có 01 cháu tên Võ Tấn H, sinh ngày 29 tháng 9 năm 1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có. Chị H có yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Võ Văn N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim Hồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; bị đơn anh Võ Văn N có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc. Nguyên đơn chị H có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt chị H, anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N, Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 22 tháng 5 năm 2001, việc kết hôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H cho rằng từ năm 2016 đến nay cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc, thường hay cự cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N; đối với anh N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị H, điều đó chứng tỏ anh N có ý thức bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm với chị H. Do đó có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh N.

[3] Về con chung: Theo như chị H trình bày thì chị và anh N có 01 con chung tên Võ Tấn H, sinh ngày 29 tháng 9 năm 1997 đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung; anh N không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ nộp án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim H.

Chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với anh Võ Văn N.

[2] Về con chung: Võ Tấn H, sinh ngày 29 tháng 9 năm 1997 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[3] Về chia tài sản khi ly hôn: Không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí: Án phí ly hôn chị Nguyễn Thị Kim H phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (ĐKKH số xx, ngày 22/5/2001) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Thiện